

Số: 87 /TB-STC

Sơn La, ngày 13 tháng 6 năm 2023

**THÔNG BÁO**  
**Xét duyệt thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022**  
**Đơn vị được xét duyệt: Trường Cao đẳng Sơn La**  
**Mã chương: 422**

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ biên bản xét duyệt quyết toán ngày 19 / 5 /2022 giữa Sở Tài chính và Trường Cao đẳng Sơn La. Sở Tài chính thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường Cao đẳng Sơn La, như sau:

**II. Số liệu quyết toán.**

**1. Thu, chi hoạt động sự nghiệp**

**1.1. Thu phí, lệ phí**

Hoạt động thu của đơn vị thuộc loại hình thu hoạt động dịch vụ; đơn vị không có số liệu thu phí, lệ phí. Sở Tài chính thực hiện đối chiếu kiểm tra số liệu theo quy định tại Mục III, Thông tư 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**1.2 Thu dịch vụ; Thu hoạt động SXKD**

**(1) Về số liệu:**

- Chuyển nguồn năm 2021 sang 2022	24.213.722	đồng
- Thu trong năm	28.900.579.136	đồng
+ Thu liên kết đào tạo, bồi dưỡng	6.486.760.936	đồng
+ Thu học phí hệ chính quy	21.906.572.400	đồng
+ Thu học phí học sinh Lào tự túc	72.000.000	đồng
+ Thu dịch vụ khác ( Thu điện nước nội trú; thu tiền ở ký túc xá; thanh lý tài sản; lãi tiền gửi..)	435.245.800	đồng
- Chi trong năm	19.271.228.106	đồng
+ Chi liên kết đào tạo, bồi dưỡng	6.035.892.712	đồng
+ Chi học phí hệ chính quy	12.729.595.794	đồng
+ Chi học phí học sinh Lào tự túc	70.560.000	đồng
+ Chi dịch vụ khác ( Thu điện nước nội trú; thu tiền ở ký túc xá; thanh lý tài sản; lãi tiền gửi..)	435.179.600	đồng

- Chênh lệch thu lớn hơn chi năm nay:	9.653.564.752	đồng
+ <i>Nộp NSNN (thuế TNDN):</i>	131.231.420	đồng
+ <i>Trích CCTL:</i>	8.065.286.200	đồng
+ <i>Trích lập các quỹ</i>	1.457.047.132	đồng
- Chênh lệch thu chi chưa phân phối	0	đồng

## (2) Nhận xét:

- Việc thu nộp và sử dụng kinh phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ; Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg ngày 24/04/2009 của Thủ tướng Chính Phủ; Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017; Nghị quyết số 92/2019/NQ-HĐND ngày 28/02/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 818/UBND-VX ngày 08/04/2014 của UBND tỉnh về việc thu, chi kinh phí đào tạo đối với LHS Lào học theo chế độ tự túc; Hợp đồng đã ký đào tạo Lưu học sinh Lào tự túc ký kết giữa Trường Cao đẳng Sơn La với các tỉnh nước Lào; Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá cho thuê nhà ở sinh viên của trường Cao đẳng Sơn La.

### 1.3 Nguồn hoạt động khác được để lại (*Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu và Dịch vụ môi trường rừng*)

#### 1.3.1 Về số liệu

##### a) *Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu:*

- Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang:	11.652.621	đồng
- Kinh phí được giao trong năm:	0	đồng
- Kinh phí được sử dụng trong năm:	11.652.621	đồng;
- Kinh phí đề nghị quyết toán:	0	đồng;
- Kinh phí còn dư:	11.652.621	đồng;

##### b) *Dịch vụ môi trường rừng:*

- Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang:	0	đồng
- Kinh phí được giao trong năm:	5.795.000	đồng
- Kinh phí được sử dụng trong năm:	5.795.000	đồng;
- Kinh phí đề nghị quyết toán:	0	đồng;
- Kinh phí còn dư:	5.795.000	đồng;

#### 1.3.2 Nhận xét

- Năm 2022, đơn vị thực hiện quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu theo đúng quy định tại khoản 3, Điều 34 Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 17/10/2021 của Chính phủ; Thông tư số 107/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính và Công văn số 2109/BHXH-KHTC ngày 14/7/2022 của BHXH tỉnh về việc quyết toán kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu đối với các đơn vị nhà trường; Kinh phí dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại điểm c,

Khoản 3, Điều 70; Khoản 4, Điều 71, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

1.4 Trường Cao đẳng Sơn La chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc chấp hành các chính sách, chế độ của Nhà nước, tính chính xác trung thực của thông tin, số liệu quyết toán. Trường hợp thanh tra, kiểm toán phát hiện nguồn thu phát sinh chênh lệch so với số liệu đã gửi quyết toán cho cơ quan tài chính, Thủ trưởng đơn vị; Trường phòng Kế hoạch - Tài chính; Kế toán trưởng chịu trách nhiệm hoàn toàn theo quy định của pháp luật.

*( Có phụ biểu số 1b kèm theo)*

## **2. Quyết toán chi ngân sách**

### **2.1. Chi hoạt động thường xuyên**

#### **2.1.1 Chương 422, khoản 093**

##### **a. Kinh phí hoạt động tự chủ**

- Chuyển nguồn năm 2021 sang 2022	3.111.836.865	đồng
- Dự toán được giao đầu năm ( <i>giao tại Quyết định 2999/QĐ-UBND ngày 08/12/2021</i> )	30.252.000.000	đồng
- Kinh phí thu hồi trong năm ( <i>tại các Quyết định của UBND tỉnh</i> )	-12.076.073.865	đồng
+ <i>Quyết định 2502/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh</i>	-161.900.000	đồng
+ <i>Quyết định 2386/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh</i>	-2.282.000.000	đồng
+ <i>Quyết định 2808/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh</i>	-9.632.173.865	đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm:	21.287.763.000	đồng
- Kinh phí đề nghị quyết toán:	21.287.763.000	đồng
- Kinh phí chấp nhận quyết toán:	21.287.763.000	đồng

##### **b. Kinh phí hoạt động không tự chủ**

- Dự toán giao đầu năm ( <i>giao tại Quyết định 2999/QĐ-UBND ngày 08/12/2021</i> )	54.070.000.000	đồng
- Dự toán bổ sung trong năm ( <i>giao tại các Quyết định của UBND tỉnh</i> )	10.929.327.120	đồng
+ <i>Quyết định 732/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh</i>	274.693.120	đồng
+ <i>Quyết định 1340/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh</i>	898.000.000	đồng
+ <i>Quyết định 2370/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh</i>	9.495.000.000	đồng

+ Quyết định 2808/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh	261.634.000	đồng
- Dự toán thu hồi trong năm (giao tại các Quyết định của UBND tỉnh)	-5.316.702.000	đồng
+ Quyết định 2386/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh	-2.701.326.000	đồng
+ Quyết định 2808/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh	2.615.376.000	đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm:	59.682.625.120	đồng
- Kinh phí đề nghị quyết toán:	58.809.609.274	đồng
- Kinh phí chấp nhận quyết toán:	58.809.609.274	đồng
- Kinh phí còn lại bị hủy do hết nhiệm vụ chi	870.263.246	đồng
- Kinh phí chuyển nguồn tại Công văn số 882/STC-QLNS ngày 16/3/2023	2.752.600	đồng

## 2.1.2 Kinh phí chi đào tạo học sinh Lào - Chương 422, khoản 402

### a. Kinh phí hoạt động tự chủ

- Chuyển nguồn năm 2021 sang 2022	295.678	đồng
- Dự toán được giao đầu năm (giao tại Quyết định 2999/QĐ-UBND ngày 08/12/2021)	1.640.000.000	đồng
- Kinh phí bổ sung trong năm (tại Quyết định 1877/QĐ-UBND ngày 9/9/2022 của UBND tỉnh)	1.123.920.000	đồng
- Kinh phí thu hồi trong năm (tại Quyết định 2808/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh)	-147.570.000	đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm:	2.616.645.678	đồng
- Kinh phí đề nghị quyết toán:	2.403.662.667	đồng
- Kinh phí chấp nhận quyết toán:	2.403.662.667	đồng
- Kinh phí chuyển nguồn tại Công văn số 882/STC-QLNS ngày 16/3/2023	212.983.011	đồng

### b. Kinh phí hoạt động không tự chủ

- Dự toán giao đầu năm (giao tại Quyết định 2999/QĐ-UBND ngày 08/12/2021)	4.490.000.000	đồng
- Kinh phí bổ sung trong năm (tại Quyết định 1877/QĐ-UBND ngày 9/9/2022 của UBND tỉnh)	6.410.520.000	đồng
- Kinh phí thu hồi trong năm (tại Quyết định 2808/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh)	-2.387.650.000	đồng

- Kinh phí thực nhận trong năm:	8.512.870.000	đồng
- Kinh phí đề nghị quyết toán:	8.491.390.000	đồng
- Kinh phí chấp nhận quyết toán:	8.491.390.000	đồng
- Kinh phí còn lại bị hủy do hết nhiệm vụ chi	21.480.000	đồng

### **2.1.3 Kinh phí đào tạo CBCC - Chương 422, khoản 085**

- Chuyển nguồn năm 2021 sang 2022	97.663.000	đồng
- Dự toán được giao đầu năm	0	đồng
- Kinh phí đề nghị quyết toán:	0	đồng
- Kinh phí chuyển nguồn tại Công văn số 882/STC-QLNS ngày 16/3/2023	97.663.000	đồng

## **2.2 Quyết toán Chương trình mục tiêu quốc gia**

### **2.2.1 Kinh phí CTMT Giáo dục nghề nghiệp, việc làm và ATLĐ (Chương 422, khoản 093, mã DA 00709)**

- Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2021 sang năm 2022 (Công văn số 860/STC-QLNS ngày 18/3/2022 của Sở Tài chính)	3.000.000.000	đồng
- Kinh phí đề nghị quyết toán:	2.954.838.000	đồng
- Kinh phí chấp nhận quyết toán:	2.954.838.000	đồng
- Kinh phí còn lại bị hủy do hết nhiệm vụ chi	45.162.000	đồng

### **2.2.2 Kinh phí CTMT giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Chương 422, khoản 093, mã DA 00474)**

- Dự toán giao bổ sung trong năm (tại Quyết định 1337/QĐ-UBND ngày 09/7/2021)	2.681.000.000	đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm:	2.681.000.000	đồng
- Kinh phí đề nghị quyết toán:	0	đồng
- Kinh phí chuyển nguồn tại Công văn số 882/STC-QLNS ngày 16/3/2023	2.603.000.000	đồng
- Kinh phí còn lại bị hủy do hết nhiệm vụ chi	78.000.000	đồng

### **2.2.3 Kinh phí CTMT phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 (Chương 422, khoản 093, mã DA 00515)**

- Dự toán giao bổ sung trong năm (tại Quyết định 1337/QĐ-UBND ngày 09/7/2021)	6.500.000.000	đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm:	6.500.000.000	đồng
- Kinh phí đề nghị quyết toán:	1.461.803.000	đồng

- Kinh phí chấp nhận quyết toán: 1.461.803.000 đồng
- Kinh phí chuyển nguồn tại Công văn số 882/STC-QLNS ngày 16/3/2023 5.038.197.000 đồng

### **3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính**

#### **3.1 Kiến nghị xuất toán, thu hồi của cơ quan Tài chính**

(1) Thực hiện thông báo xét duyệt Quyết toán ngân sách năm 2021; Trong năm 2022, UBND tỉnh đã thực hiện thu hồi nguồn kinh phí tiền lương còn dư theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP và Nghị định 38/2019/NĐ-CP của Chính phủ, số tiền: 3.111.836.865 đồng tại Quyết định 2808/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về ngân sách tỉnh theo đúng quy định. Năm 2022, Sở Tài chính chưa thực hiện giảm trừ dự toán nguồn CCTL từ NSNN, số tiền: 773.293.444 đồng do chưa có chính sách cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 25/5/2018 của Ban chấp hành TW.

(2) Đối với công tác quản lý tài sản nhà nước: Đơn vị đã bổ sung các mẫu biểu công khai tài sản theo đúng mẫu số 09a-CK/TSC; 09b-CK/TSC; 09c-CK/TSC; 09d-CK/TSC; 09đ-CK/TSC theo quy định tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; sổ theo dõi công cụ, dụng cụ theo mẫu số S26-H theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

#### **3.2 Kiến nghị của Kiểm toán nhà nước Khu vực VII**

Thực hiện kiến nghị của KTNN khu vực VII về kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021, trong đó đề nghị UBND tỉnh giảm trừ dự toán năm sau nguồn thực hiện CCTL còn dư đối với trường Cao đẳng Sơn La, số tiền: 1.831.628.000 đồng (*bao gồm cả kiến nghị KTNN năm 2020 chưa thực hiện, số tiền: 41.372.000 đồng*). Năm 2022, UBND tỉnh đã thực hiện thu hồi số kinh phí trên tại Quyết định 2808/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về ngân sách tỉnh, số tiền: 1.099.706.556 đồng; Kinh phí còn lại, số tiền: 773.293.444 đồng (*Trong đó: Niên độ 2020 trở về trước: 41.372.000 đồng; Niên độ 2021: 731.921.444 đồng*) đề nghị nộp trả ngân sách tỉnh từ nguồn CCTL trích từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị theo đúng quy định.

#### **4.1 Thuyết minh số liệu quyết toán**

4.1 Năm 2022, Trường Cao đẳng Sơn La được UBND tỉnh đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tại Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 về công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2022 của các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh.

#### **4.2 Về tình hình sử dụng kinh phí**

(1) Trường Cao đẳng Sơn La cơ bản thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN; Nghị quyết của HĐND tỉnh và dự toán được UBND tỉnh giao đầu năm tại Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 và các quyết định bổ sung dự toán trong năm.

(2) Tình hình thực hiện dự toán: Trường Cao đẳng Sơn La đã sử dụng kinh phí được giao năm 2022 để thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Kinh phí còn lại: 8.969.500.857 đồng đã được KBNN xác nhận và đối chiếu, trong đó:

- Chuyển nguồn sang năm 2023, số tiền: 7.954.595.611 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí thường xuyên (khoản 093): 2.752.600 đồng;

+ Kinh phí thường xuyên đào tạo học sinh Lào (khoản 402), số tiền: 212.983.011 đồng;

+ Kinh phí thường xuyên đào tạo cán bộ công chức (khoản 085), số tiền: 97.663.000 đồng;

+ Kinh phí CTMT giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Chương 422, khoản 093, mã DA 00474), số tiền: 2.603.000.000 đồng.

+ Kinh phí CTMT phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 (Chương 422, khoản 093, mã DA 00515), số tiền: 5.038.197.000 đồng

- Hủy dự toán do hết nhiệm vụ chi, số tiền: 1.014.905.246 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đào tạo học sinh, sinh viên hệ sư phạm, ngoài sư phạm, chuyên môn nghiệp vụ khác (093): 870.263.246 đồng

+ Kinh phí đào tạo Lưu học sinh Lào (khoản 402): 21.480.000 đồng (*kinh phí không thường xuyên*);

+ Kinh phí CTMT Giáo dục nghề nghiệp, việc làm và ATLĐ (Chương 422, khoản 093, mã DA 00709), số tiền: 45.162.000 đồng

+ Kinh phí CTMT giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Chương 422, khoản 093, mã DA 00474), số tiền: 78.000.000 đồng

(3) Các chế độ chính sách của học sinh, sinh viên: Đơn vị đã thực hiện chi trả đầy đủ các chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên theo quy định tại Nghị quyết số 124/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; Quyết định số 194/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, Nghị định số 57/2017/NĐ-CP và Nghị định 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

(4) Chi đào tạo học sinh nước CHDCND Lào: Đơn vị đã thực hiện theo đúng quy định của Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 và Nghị quyết số 92/2019/NQ-HĐND ngày 28/02/2019 của HĐND tỉnh.

(5) Đối với chi từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ:

(5.1) Đối với Hệ Ngoài Sư phạm: Đơn vị thực hiện thu theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Các Quyết định của Trường Cao đẳng Sơn La: Quyết định số 492/QĐ-CĐSL ngày 03/8/2022 về việc ban hành mức thu học phí các hệ đào tạo Cao đẳng, Trung cấp K58 (năm học 2022-2023, 2023-2024); Quyết định số 493/QĐ-CĐSL ngày 03/8/2022 về việc ban hành mức thu học phí toàn khóa các hệ đào tạo Cao đẳng, Trung cấp K59 tại Trường Cao đẳng Sơn La; Quyết định số 713/QĐ-CĐSL ngày 18/10/2022 về

việc ban hành mức thu học phí hệ đào tạo Cao đẳng K57 (năm học 2022-2023) tại Trường Cao đẳng Sơn La.

(5.2) Đối với Hệ Sư phạm: Đơn vị thực hiện thu theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; Quyết định số 914/QĐ-CĐSL ngày 31/12/2021 của Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành mức thu học phí đối với sinh viên khối ngành đào tạo giáo viên trình độ Cao đẳng (K58) tại Trường Cao đẳng Sơn La. Công văn số 818/UBND-VX ngày 08/04/2014 của UBND tỉnh về việc thu, chi kinh phí đào tạo đối với LHS Lào học theo chế độ tự túc; Hợp đồng đã ký đào tạo Lưu học sinh Lào tự túc ký kết giữa Trường Cao đẳng Sơn La với các tỉnh nước Lào; Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 của UBND về việc phê duyệt giá cho thuê nhà ở sinh viên của trường Cao đẳng Sơn La.

### (5.3) Về chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

Ngày 20/12/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết 165/NQ-CP về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023. Theo đó, tại điểm 2, Nghị quyết có nêu: “*đối với các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022-2023 bằng mức thu học phí của năm học 2021-2022 do cơ sở giáo dục đã ban hành theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ*”. Sau khi rà soát số liệu thu dịch vụ của đơn vị, chênh lệch giữa hai mức thu giao động từ 386.000 đồng đến 1.090.000 đồng. Tổng kinh phí chênh lệch do điều chỉnh mức học phí, như sau:

+ Hệ ngoài sư phạm: 6.204.028.500 đồng

+ Hệ sư phạm: 137.592.000 đồng

- Thực hiện Công văn số 694/BGDĐT-KHTC ngày 23/2/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện Nghị quyết 165/NQ-CP của Chính phủ, trong đó hướng dẫn: “*trường hợp cơ sở giáo dục công lập đã được cấp bù học phí năm học 2022-2023 theo mức quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP thì phần chênh lệch sẽ giảm trừ trong lần giao dự toán tiếp theo hoặc hoàn trả ngân sách nhà nước; Trường hợp thu học phí của học sinh cao hơn mức học phí năm 2021-2022 thì thực hiện hoàn trả phần chênh lệch cho học sinh hoặc giảm trừ vào kỳ thu học phí tiếp theo*”. Tuy nhiên, đến thời điểm quyết toán ngân sách năm 2022, đơn vị chưa thực hiện hoàn trả NSNN phần chênh lệch đã được cấp bù học phí kỳ I, năm học 2022-2023, số tiền: 6.341.620.500 đồng theo đúng quy định.

## **5. Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**

### **5.1 Về số liệu:**

- Dư năm 2021 chuyển sang năm 2022 (Theo Kết luận kiểm toán nhà nước khu vực VII năm 2021) từ nguồn thu sự nghiệp, số tiền: 5.956.008.697 đồng.

+ Thu sự nghiệp năm 2021 chuyển sang: 4.083.008.697 đồng

+ NSNN cấp (đã thu hồi về NS tỉnh): 1.099.706.556 đồng

+ NSNN cấp dư tại đơn vị: 773.293.444 đồng

- Nguồn KP thực hiện CCTL năm 2022: 8.065.286.200 đồng

Trong đó:



+ Thu sự nghiệp năm 2022 (40%):	8.065.286.200 đồng
+ NSNN cấp:	0 đồng
- Quyết toán CCTL năm 2022:	0 đồng
- Dự toán còn dư chuyển năm sau sử dụng:	12.921.588.341 đồng
Trong đó:	
+ Thu sự nghiệp:	12.148.294.897 đồng
+ NSNN cấp:	773.293.444 đồng

*(Có biểu thuyết minh CCTL kèm theo)*

**5.2** Sở Tài chính không có điều kiện đối chiếu, xác minh hoá đơn, chứng từ thanh toán, công nợ phải thu phải trả, tạm ứng, kiểm quỹ tiền mặt, tài sản vật tư. Sở Tài chính thẩm tra quyết toán trên cơ sở hồ sơ, chứng từ chi đã được Kho bạc Nhà nước tỉnh kiểm soát chi và chấp nhận thanh toán. Thủ trưởng đơn vị, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính; kế toán trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của số liệu báo cáo và quyết định chi của mình theo quy định của Điều 32 Luật NSNN và khoản 2, 3, 4 Điều 38 Nghị định số 163/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 1, Điều 10 Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính.

## **II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động SXKD, dịch vụ:**

**1.** Trong năm, đơn vị có thu hoạt động sản xuất kinh doanh từ liên kết đào tạo, học phí hệ ngoài sư phạm, thu tiền điện nước nội trú, tiền KTX, đào tạo học sinh Lào hệ ngoài ngân sách...: Mức thu theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Đối với hợp đồng dịch vụ đơn vị đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế TNDN, thuế GTGT vào ngân sách nhà nước theo quy định Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn.

**2.** Căn cứ mục III (Biên bản quyết toán) Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định: Đối với số thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; Sở Tài chính chỉ thực hiện đối chiếu, kiểm tra trên cơ sở báo cáo tài chính năm của đơn vị, không thực hiện kiểm tra chi tiết; Thủ trưởng, kế toán đơn vị chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ, chứng từ kế toán. Qua đối chiếu, số liệu đã đảm bảo khớp đúng. Trường hợp thanh tra, kiểm toán phát hiện sai sót về số liệu, Thủ trưởng đơn vị, kế toán chịu trách nhiệm hoàn toàn theo quy định về pháp luật.

### **3. Về số liệu:**

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi năm 2022: 9.653.564.752 đồng,
- Nộp NSNN (thuế TNDN): 131.231.420 đồng
- Trích lập các Quỹ: 1.457.047.132 đồng.
- Kinh phí trích 40% thực hiện cải cách tiền lương: 8.065.286.200 đồng.

*(Có phụ lục 1b kèm theo)*

### **III. Công tác quản lý và báo cáo sử dụng tài sản.**

Công tác quản lý và báo cáo sử dụng tài sản: Tại thời điểm kiểm tra: Đơn vị đã nộp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản hiện có đến ngày 31/12/2022 đúng thời hạn theo quy định.

- Đã có Sổ tài sản cố định theo biểu mẫu quy định.
- Đơn vị đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định.
- Đơn vị đã ban hành Quyết định công khai tài sản theo đúng mẫu quy định tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

### **IV. Nhận xét và kiến nghị**

#### **1. Ưu điểm**

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị nộp báo cáo quyết toán đúng thời gian quy định .

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước như:

+ Lập, phân bổ và giao dự toán: Đơn vị lập dự toán đúng quy định tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán NSNN năm 2022; Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 20/7/2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 và Kế hoạch Tài chính - Ngân sách Nhà nước 03 năm 2022 - 2024; Công văn số 1912/STC-QLNS ngày 01/6/2021 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán Ngân sách địa phương năm 2022;

+ Thực hiện quản lý và sử dụng dự toán kinh phí theo đúng quy định của nhà nước và dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

+ Đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ theo đúng quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính; UBND tỉnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2022-2025 tại Quyết định số 2681/QĐ-UBND ngày 21/12/2022, mức tự chủ 49%.

+ Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí đoàn ra, đoàn vào theo quy định tại Thông tư số: 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài Chính; Nghị quyết 60/2017/NQ-HĐND ngày 10/12/2017; Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND ngày 12/6/2019 của HĐND tỉnh và các văn bản của cấp có thẩm quyền;

+ Chế độ thu, nộp ngân sách nhà nước: Đơn vị đã thực hiện thu, nộp các khoản thu sự nghiệp cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Các khoản thu của đơn vị như: Liên kết đào tạo, học phí hệ ngoài sư phạm, thu tiền điện nước nội trú, tiền KTX, đào tạo học sinh Lào hệ

ngoài ngân sách; Việc quản lý và sử dụng cơ bản đảm bảo theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Về thực hiện đào tạo học sinh, sinh viên :

+ Năm 2022, đơn vị thực hiện đào tạo học sinh, sinh viên theo cơ chế giao nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu trên địa bàn tỉnh Sơn La; Công văn số 2254/UBND-KGVX ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh;

+ Đối với hệ đào tạo ngoài sư phạm: Được Sở Lao động thương binh và xã hội thực hiện giao nhiệm vụ tại Quyết định số: 632/QĐ-SLĐTBXH ngày 22/02/2022 về việc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cho các trường Cao đẳng Sơn La năm 2022; Quyết định số: 4881/QĐ-SLĐTBXH ngày 03/11/2022 về việc điều chỉnh giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cho Trường Cao đẳng Sơn La năm 2022 và Biên bản nghiệm thu ngày 10/02/2023;

+ Đối với đào tạo hệ sư phạm: Được Sở Giáo dục và đào tạo thực hiện giao nhiệm vụ tại Quyết định số 708/QĐ-SGDĐT ngày 02/8/2022 về việc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN cho Trường Cao đẳng Sơn La đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm năm 2022; Quyết định số 71/QĐ-SGDĐT ngày 08/02/2023 về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm năm 2022 của Trường Cao đẳng Sơn La và Biên bản nghiệm thu ngày 21/02/2023.

+ Hồ sơ giao nhiệm vụ đảm bảo theo quy định tại khoản 3, Điều 10 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ; Sở Lao động thương binh và xã hội, Sở Giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ giao nhiệm vụ và biên bản nghiệm thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2, Điều 25 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

## **2. Hạn chế:**

(1) Theo biên bản duyệt quyết toán của Sở Tài chính và Trường Cao đẳng Sơn La năm 2021, đơn vị chưa thực hiện giảm trừ dự toán nguồn CCTL từ nguồn NSNN, số tiền: 773.293.444 đồng.

(2) Đơn vị chưa thực hiện hoàn trả NSNN phần chênh lệch đã được cấp bù học phí năm học 2022-2023 theo mức quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, số tiền: 6.341.620.500 đồng.

## **3. Kiến nghị**

- Đề nghị sử dụng nguồn kinh phí CCTL còn dư từ nguồn thu sự nghiệp năm 2021, số tiền: 773.293.444 đồng; nộp trả NSNN theo đúng quy định.

- Nộp trả NSNN phân chênh lệch đã được cấp bù học phí năm học 2022-2023 theo mức quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, số tiền: 6.341.620.500 đồng. Thời gian trước ngày 20/9/2023; Trường hợp quá thời hạn nêu trên, Sở Tài chính thực hiện giảm trừ dự toán theo đúng hướng dẫn tại Công văn số 694/BGDĐT-KHTC ngày 23/2/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chủ động phối hợp với Sở Tài chính trong công tác rà soát dự toán được giao trong năm trình cấp có thẩm quyền thu hồi kịp thời để điều chỉnh, bổ sung cho các nhiệm vụ phát sinh trong năm nhưng chưa có nguồn kinh phí thực hiện.

Trên đây là Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường Cao đẳng Sơn La; Đề nghị Trường Cao đẳng Sơn La căn cứ thông báo xét duyệt quyết toán nghiêm túc triển khai thực hiện. /

**Nơi nhận:**

- Trường Cao đẳng Sơn La;
- KBNN tỉnh;
- Lưu VP, TC-HCSN(2), QLNS(1).

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



**Đỗ Thế Hường**